

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
DUC LONG GIA LAI GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 25/CV-DLG
No.:

Gia Lai, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Gia Lai, March 31, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.
To: - State Securities Commission
- Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Organization name: Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: DLG

Stock code: DLG

- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Address: 90 Le Duan, Phu Dong Ward, Pleiku City, Gia Lai province

- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Phone: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

- E-mail: duclong@duclonggroup.com

- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of published information:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán;

The audited consolidated financial statements for the year 2024;

- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 4 năm 2024;

The audited separate financial statements for the year 2024;

- Công văn số 24 /2025/CV-DLGL về việc giải trình liên quan BCTC kiểm toán năm 2024;

Official dispatch No. 24 /2025/CV-DLGL regarding the explanation related to the audited financial statements for the year 2024;

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

This information was announced on the company's website on 31/03/2025 at the link: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We here by commit that the information published above is true and take full responsibility in front of the law for the content of the published information.

**CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC
DUC LONG GIA LAI GROUP JOINT
STOCK COMPANY
LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR**



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Pháp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tường Cột	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/05/2024
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiêm Phụ trách kế toán	

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Võ Mộng Hùng	Trưởng Ban
Bà Đặng Thị Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trương Văn Tân	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Cột
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số. 445 /2025/UHY-BCKT

uhy.vn
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/3/2025, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 Phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2024, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 2.609.052.952.934 đồng, tại ngày này các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 465.375.541.727 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán về kế hoạch giãn nợ, trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn 2025 - 2026, cũng như các khoản phải trả đến hạn khác, phần lớn các khoản nợ quá hạn của Công ty với các tổ chức tín dụng đều có tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đề ra kế hoạch cải thiện hoạt động kinh doanh trong thời gian tới: đầu tư, hợp tác kinh doanh vào các Công ty, dự án hiệu quả cũng như xử lý các tài sản đảm bảo, bảo lãnh để Công ty có thể tiếp tục hoạt động. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh đang dần ổn định, được cải thiện và tin tưởng rằng việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và đưa ra ý kiến ngoại trừ về Báo cáo này vào ngày 30/03/2024 về:

- Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế của các khoản cho vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 là 211.309.954.412 đồng. Tuy vậy, các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2023 đã được Công ty thu hồi, bổ sung các tài sản đảm bảo hay trích lập dự phòng đầy đủ trong năm 2024.
- Khả năng hoạt động liên tục liên quan đến khoản lỗ thuần lũy kế và các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn. Các vấn đề này được trình bày tại đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh”

như trên.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.359.810.283.585	737.675.597.500
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.125.528.258	3.925.127.205
Tiền	111		1.125.528.258	3.925.127.205
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.245.900.413.416	541.928.098.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	696.643.230.460	673.547.483.003
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	48.505.787.252	48.527.766.161
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.945.703.722.755	1.137.082.661.174
Các khoản phải thu khác	136	9	713.698.172.323	605.432.291.313
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.158.650.499.374)	(1.922.662.102.757)
Hàng tồn kho	140	10	112.106.555.951	140.840.367.827
Hàng tồn kho	141		197.272.654.270	194.803.805.579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.166.098.319)	(53.963.437.752)
Tài sản ngắn hạn khác	150		677.785.960	982.003.574
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.854.543
Thuế GTGT được khấu trừ	152		614.279.285	905.225.011
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	63.506.675	65.924.020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		966.384.161.450	1.866.145.384.442
Các khoản phải thu dài hạn	210		336.214.654.599	1.065.964.425.678
Phải thu về cho vay dài hạn	215		334.946.919.599	1.064.695.755.678
Phải thu dài hạn khác	216		1.268.670.000	1.268.670.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(935.000)	-
Tài sản cố định	220		307.180.049.551	323.515.031.681
Tài sản cố định hữu hình	221	14	307.180.049.551	323.515.031.681
- Nguyên giá	222		452.925.845.953	452.925.845.953
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.745.796.402)	(129.410.814.272)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		399.336.795	399.336.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(399.336.795)	(399.336.795)
Bất động sản đầu tư	230	12	26.183.036.340	27.444.199.176
- Nguyên giá	231		56.149.693.891	56.149.693.891
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.966.657.551)	(28.705.494.715)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.569.530.386	32.367.705.386
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	32.569.530.386	32.367.705.386
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	264.236.890.574	416.850.401.308
Đầu tư vào công ty con	251		555.000.000.000	804.157.612.500
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.900.766.000	8.900.766.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		480.000.000	480.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(300.143.875.426)	(396.687.977.192)
Tài sản dài hạn khác	260		-	3.621.213
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	3.621.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.326.194.445.035	2.603.820.981.942

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.885.442.852.682	2.350.058.627.616
Nợ ngắn hạn	310		1.825.185.825.312	2.320.858.627.616
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	140.788.843.579	160.571.464.951
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	13.528.818.504	48.916.578.726
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	23.140.117.098	10.257.158.587
Phải trả người lao động	314		144.323.076	153.754.839
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	307.645.807.624	414.405.659.695
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.090.909	29.090.908
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	613.559.236.274	673.165.050.626
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	724.546.892.856	1.010.831.089.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.802.695.392	2.528.780.192
Nợ dài hạn	330		60.257.027.370	29.200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	60.257.027.370	29.200.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	440.751.592.353	253.762.354.326
Vốn chủ sở hữu	410		440.751.592.353	253.762.354.326
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.510.908.328	50.510.908.328
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.196.436.959	6.196.436.959
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.609.052.952.934)	(2.796.042.190.961)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.796.042.190.961)	(2.204.480.460.523)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		186.989.238.027	(591.561.730.438)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.326.194.445.035	2.603.820.981.942

Gia Lai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Tinh Tú
Người lập biểu

Đỗ Thành Nhân
Trưởng phòng TC-KT
kiêm Phụ trách kế toán



Nguyễn Tường Cột
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	14.451.046.362	31.056.016.091
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.451.046.362	31.056.016.091
Giá vốn hàng bán	11	25	45.368.568.939	84.272.038.584
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(30.917.522.577)	(53.216.022.493)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	237.133.547.307	243.278.793.783
Chi phí tài chính	22	27	57.007.419.730	258.711.720.209
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		153.551.521.496	173.210.043.152
Chi phí bán hàng	25	28	86.595.784	92.874.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	256.551.063.090	511.465.227.589
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(107.429.053.874)	(580.207.051.421)
Thu nhập khác	31	29	315.496.312.086	397.569.260
Chi phí khác	32	30	21.078.020.185	11.752.248.277
Lợi nhuận khác	40		294.418.291.901	(11.354.679.017)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		186.989.238.027	(591.561.730.438)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		186.989.238.027	(591.561.730.438)

Gia Lai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Tinh Tú
Người lập biểu

Đỗ Thành Nhân
Trưởng phòng TC-KT
kiêm Phụ trách kế toán



Nguyễn Tường Cột
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		186.989.238.027	(591.561.730.438)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.596.144.966	18.117.835.826
Các khoản dự phòng	03		170.647.890.418	637.732.670.221
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.765.992.184)	(626.113.950)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(227.089.380.123)	(243.278.793.783)
Chi phí lãi vay	06		153.551.521.496	173.210.043.152
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		291.929.422.600	(6.406.088.972)
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(76.257.550.546)	60.635.335.043
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.468.848.691)	1.624.242.801
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(40.201.898.383)	(8.078.768.709)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		14.475.756	(3.612.119)
Tiền lãi vay đã trả	14		(322.492.144.381)	(9.595.156.490)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(8.729.038.865)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(726.084.800)	(20.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(150.202.628.445)	29.426.912.689
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(38.500.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.590.684.128.753)	(1.048.849.845.616)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.511.811.903.251	954.737.540.352
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		255.000.000.000	3.600.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		226.501.182.686	111.247.178.959
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		402.628.957.184	20.696.373.695
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		20.000.000.000	25.390.034.377
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275.227.168.866)	(75.982.016.553)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(255.227.168.866)	(50.591.982.176)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2024	Năm 2023
	số	minh	VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.800.840.127)	(468.695.792)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.925.127.205	4.393.051.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.241.180	771.922
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	1.125.528.258	3.925.127.205

Gia Lai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Tinh Tú
Người lập biểu

Đỗ Thành Nhân
Trưởng phòng TC-KT
kiêm Phụ trách kế toán



Nguyễn Tường Cột
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 06/01/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.993.097.200.000 VND (Hai nghìn chín trăm chín mươi ba tỷ không trăm chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 20 người (tại 01/01/2024 là 24 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán đá trong xây dựng;
- Đầu tư tài chính;
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng, nhà khách, nhà nghỉ.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau:

Tên các chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai (*)	152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai	Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai	Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai

(*): Chi nhánh tạm ngừng kinh doanh từ ngày 27 tháng 09 năm 2024 đến ngày 26 tháng 09 năm 2025 theo Giấy xác nhận số 7524/24 ngày 19 tháng 09 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Các Công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Đắk Nông	70,6%	70,6%	Vận hành công trình giao thông theo hình thức BOT
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Gia Lai	73,5%	73,5%	Vận hành công trình giao thông theo hình thức BOT
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng DLGL	Gia Lai	93,35%	93,35%	Vận hành nhà máy thủy điện

Công ty liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Gia Lai	20,00%	20,00%	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát, lập dự toán, thi công công trình

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

Người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải	08-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Vườn cây lâu năm	20
- Tài sản cố định khác	08 - 10

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 10 năm.

4.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50

4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Công ty liên doanh, liên kết là các công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nếu Công ty đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay: được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.18 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	859.696.864	3.700.245.705
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	265.831.394	224.881.500
	1.125.528.258	3.925.127.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	16.366.045.256	(14.926.045.256)	18.186.045.256	(15.902.269.560)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	-	-	1.145.951.000	(1.145.951.000)
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	3.960.030.000	(1.350.800.000)	2.701.600.000	(944.240.000)
- Ông Lý Trần Tiến	391.021.500.000	(391.021.500.000)	391.021.500.000	(391.021.500.000)
- Ông Nguyễn Tuấn Vũ	123.580.100.002	(123.580.100.002)	129.695.100.000	(129.695.100.000)
- Các khách hàng khác (*)	161.715.555.202	(86.628.031.741)	130.797.286.747	(109.030.849.936)
	696.643.230.460	(617.506.476.999)	673.547.483.003	(647.739.910.496)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	20.326.075.256		22.033.596.256	

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

(*) Tính tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 26 tỷ đồng khoản phải thu các khách hàng khác tại ngày 31/12/2024.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	23.909.089	-	82.818.181	-
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	(15.204.370.000)	15.204.370.000	(15.204.370.000)
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	(7.603.234.071)	7.603.234.071	(7.603.234.071)
- Các đối tượng khác	25.574.274.092	(22.876.351.075)	25.537.343.909	(25.056.351.075)
	48.505.787.252	(45.783.955.146)	48.527.766.161	(47.963.955.146)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	123.909.089		182.818.181	

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.945.703.722.755	(947.439.233.363)	1.135.121.287.727	(103.998.912.014)
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	-	-	248.998.555.500	(39.685.056.500)
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai	-	-	158.311.573.320	-
- Ông Huỳnh Quốc Bình	-	-	145.083.159.082	-
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (1)	438.330.000.000	(140.565.000.000)	-	-
- Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên (2)	22.258.000.000	-	-	-
- Bà Hồ Thị Mỹ Trinh (3)	177.506.225.330	(94.886.719.484)	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (4)	143.020.419.820	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Trường An Tây Nguyên (5)	226.502.145.250	(692.581.524)	-	-
- Bà Phạm Thị Bày (6)	201.792.000.000	-	-	-
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL (7)	10.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác (8)	726.294.932.355	(711.294.932.355)	582.727.999.825	(64.313.855.514)
Phải thu về cho mượn ngắn hạn	-	-	1.961.373.447	(1.961.373.447)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng Lượng sạch Tây Nguyên	-	-	1.961.373.447	(1.961.373.447)
Phải thu về cho vay dài hạn	334.946.919.599	(935.000)	1.064.695.755.678	(514.988.972.365)
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL (7)	334.945.984.599	-	377.565.000.443	(327.315.000.443)
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	-	-	248.884.000.000	(52.404.500.000)
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	-	-	62.000.000.000	(24.480.004.422)
- Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến đá Tây Nguyên	935.000	(935.000)	313.765.000.000	(90.376.967.500)
- Các đối tượng khác	-	-	62.481.755.235	(20.412.500.000)
	2.280.650.642.354	(947.440.168.363)	2.201.778.416.852	(620.949.257.826)
Phải thu về cho vay bên liên quan	143.020.419.820		-	

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

- (1) Theo Hợp đồng vay vốn số 09/2024/HĐ ngày 01/09/2024 giữa Công ty và Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku, lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 15 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 với giá trị là 272,1 tỷ đồng. Tính tới thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 25.675.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

- (2) Theo Hợp đồng vay vốn số 12/2024/HĐ ngày 25/09/2024 giữa Công ty và Công ty CP Khai thác và Chế biến đá Tây Nguyên, lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 với giá trị là 25,9 tỷ đồng.
- (3) Theo Hợp đồng vay vốn số 10/2024/HĐ ngày 05/09/2024 giữa Công ty và Bà Hồ Thị Mỹ Trinh, lãi suất 8,0%/năm, thời hạn vay 12 tháng, được đảm bảo bằng tài sản với giá trị là 80 tỷ đồng. Tính tới thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 2.619.505.846 đồng.
- (4) Theo Hợp đồng vay vốn số 03/2024/HĐ ngày 20/01/2024 giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai, lãi suất 8,0%/năm, thời hạn vay 12 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 với giá trị là 133,4 tỷ đồng. Tính tới thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 10.600.000.000 đồng.
- (5) Theo Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐ ngày 05/01/2024 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trường An Tây Nguyên, lãi suất 9,0%/năm, thời hạn vay 15 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 với giá trị là 225,8 tỷ đồng.
- (6) Theo Hợp đồng vay vốn số 04/2024/HĐ ngày 05/03/2024 giữa Công ty và Bà Phạm Thị Bẩy, lãi suất 8,0%/năm, thời hạn vay 18 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 với giá trị là 201,8 tỷ đồng.
- (7) Ngày 10/03/2025 Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai quyết định thực hiện chuyển thành khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy Điện gió và Nhà máy Điện mặt trời tại huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai do Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai làm chủ đầu tư.
- (8) Các khoản cho vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Tính tới thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 15 tỷ đồng khoản cho vay các đối tượng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	713.698.172.323	(547.920.833.866)	605.432.291.313	(556.008.979.289)
- Phải thu lãi cho vay (1)	582.117.624.657	(546.728.542.304)	600.611.570.536	(556.008.979.289)
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (2)	107.470.200.000	-	-	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (3)	20.572.500.000	-	-	-
- Tạm ứng cho nhân viên	3.347.726.497	(1.192.291.562)	2.715.662.519	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
- Phải thu khác	140.121.169	-	2.055.058.258	-
Dài hạn	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	-	1.268.670.000	-
	714.966.842.323	(547.920.833.866)	606.700.961.313	(556.008.979.289)
Phải thu khác bên liên quan	35.799.734.053			

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

- (1) Tổng các khoản phải thu lãi cho vay các đối tượng khác tại ngày 31/12/2024 là 582.117.624.657 đồng, giá trị tài sản đảm bảo là 9.555.436.274 đồng, tổng giá trị đã trích lập dự phòng là 546.728.542.304 đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 9.837.527.608 đồng.
- (2) Ngày 15/12/2024 Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai quyết định thông qua việc tăng vốn góp tại Công ty TNHH Đức Long Dung Quất với giá trị 200 tỷ đồng, khoản cho vay 107,5 tỷ đồng được chuyển thành tiền đặt cọc góp vốn.
- (3) Cổ tức năm 2024 được tạm ứng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ – ĐLĐN ngày 15/03/2024 của Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đăk Nông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	9.245.220.262	(9.245.220.262)	9.283.220.262	(4.641.610.131)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.199.336.030	(8.199.336.030)	8.199.336.030	(2.435.577.275)
- Thành phẩm	4.324.520.932	(4.324.520.932)	6.034.568.538	(2.534.034.713)
- Hàng hoá	175.503.577.046	(63.397.021.095)	171.286.680.749	(44.352.215.633)
	197.272.654.270	(85.166.098.319)	194.803.805.579	(53.963.437.752)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku (1)	30.612.218.993	30.612.218.993
- Dự án điện gió Ia Blu 1 - Chư Puh	1.272.727.272	1.272.727.272
- Các công trình khác	684.584.121	482.759.121
	32.569.530.386	32.367.705.386

(1): Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/2019/HĐHTĐT ngày 15/7/2019 giữa Công ty và vợ chồng ông Bùi Pháp - bà Nguyễn Thị Hương. Trong đó, vợ chồng ông Bùi Pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất và một số tài sản trên đất tại 95-97-99 Đường Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Công ty góp vốn, kỹ thuật để đầu tư xây dựng Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai. Thời hạn hợp tác đầu tư: từ ngày ký hợp đồng cho đến khi hết thời hạn hoạt động của Giấy phép được cấp.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	56.149.693.891	56.149.693.891
31/12/2024	56.149.693.891	56.149.693.891
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	28.705.494.715	28.705.494.715
- Khấu hao trong năm	1.261.162.836	1.261.162.836
31/12/2024	29.966.657.551	29.966.657.551
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	27.444.199.176	27.444.199.176
31/12/2024	26.183.036.340	26.183.036.340

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 12.272.723.861 VND (tại ngày 01/01/2024 là 12.272.723.861 VND).
- Giá trị còn lại bất động sản đầu tư cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 26.183.036.340 VND (tại ngày 01/01/2024 là 27.444.199.176 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	81.652.795	317.684.000	399.336.795
31/12/2024	81.652.795	317.684.000	399.336.795
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	81.652.795	317.684.000	399.336.795
31/12/2024	81.652.795	317.684.000	399.336.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	-	-	-
31/12/2024	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 399.336.795 VND (tại ngày 01/01/2024 là 399.336.795 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
01/01/2024	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	838.430.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.925.845.953
31/12/2024	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	838.430.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.925.845.953
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
01/01/2024	58.427.892.059	10.028.510.430	14.257.614.859	761.565.015	44.243.733.080	1.691.498.829	129.410.814.272
- Khấu hao trong năm	6.943.760.402	122.727.276	255.065.717	22.496.359	8.795.003.952	195.928.424	16.334.982.130
31/12/2024	65.371.652.461	10.151.237.706	14.512.680.576	784.061.374	53.038.737.032	1.887.427.253	145.745.796.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
01/01/2024	189.633.012.517	1.254.445.778	338.051.625	76.865.912	131.641.349.375	571.306.474	323.515.031.681
31/12/2024	182.689.252.115	1.131.718.502	82.985.908	54.369.553	122.846.345.423	375.378.050	307.180.049.551

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 32.700.032.611 VND (tại ngày 01/01/2024 là 31.496.752.097 VND).
- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là 158.554.017.178 VND (tại ngày 01/01/2024 là 303.284.416.174 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng (*) VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	555.000.000.000	(299.663.875.426)	255.336.124.574	804.157.612.500	(396.207.977.192)	407.949.635.308
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	176.500.000.000	-	176.500.000.000	176.500.000.000	-	176.500.000.000
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	149.800.000.000	(136.670.135.413)	13.129.864.587	149.800.000.000	(149.800.000.000)	-
- Công ty TNHH Mass Noble Investments (**)	-	-	-	249.157.612.500	(100.928.562.866)	148.229.049.634
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	228.700.000.000	(162.993.740.013)	65.706.259.987	228.700.000.000	(145.479.414.326)	83.220.585.674
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000
Đầu tư vào đơn vị khác	480.000.000	(480.000.000)	-	480.000.000	(480.000.000)	-
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	480.000.000	(480.000.000)	-	480.000.000	(480.000.000)	-
	564.380.766.000	(300.143.875.426)	264.236.890.574	813.538.378.500	(396.687.977.192)	416.850.401.308

(*): Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(**): Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 15/07/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc cấu trúc lại khoản đầu tư vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mass Noble Investments, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư với giá trị 249.157.612.500 đồng, tương ứng tỷ lệ nắm giữ 97,73% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mass Noble Investments. Tổng giá trị chuyển nhượng là 255 tỷ đồng (trên cơ sở chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông	Đăk Nông	70,6%	70,6%	Vận hành công trình giao thông theo hình thức BOT
Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Gia Lai	73,5%	73,5%	Vận hành công trình giao thông theo hình thức BOT
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Gia Lai	93,35%	93,35%	Vận hành nhà máy thủy điện

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Gia Lai	20,00%	20,00%	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát, lập dự toán, thi công công trình

Thông tin chi tiết về các Khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Lâm Đồng	7,20%	7,20%	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	49.627.407.966	50.227.407.966
- Các đối tượng khác	91.161.435.613	110.344.056.985
	140.788.843.579	160.571.464.951

Trong đó, các khoản nợ quá hạn thanh toán là 37.977.435.213 đồng.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai	12.219.817.130	12.219.817.130
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	522.200.000
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	-	34.839.674.670
- Các người mua khác	1.309.001.374	1.334.886.926
	13.528.818.504	48.916.578.726

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

Trong đó, các khoản nợ quá hạn thanh toán là 543.082.049 đồng.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí công trình xây lắp	82.375.830.788	82.375.830.788
- Chi phí lãi vay	225.269.976.836	332.029.828.907
	307.645.807.624	414.405.659.695

Trong đó, các khoản nợ quá hạn chưa có tài sản đảm bảo là 3.475.651.818 đồng.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai	15.753.717.880	15.768.371.531
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.064.375.501	2.064.375.501
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	26.433.460
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng ĐLGL	535.821.918	-
- Chi phí lãi vay	592.777.841.826	652.893.213.026
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- BHXH, BHYT, BHTN	71.088.924	118.016.884
- Các đối tượng khác	912.531.775	850.781.774
	613.559.236.274	673.165.050.626

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

Trong đó, các khoản nợ quá hạn chưa có tài sản đảm bảo là 636.950.826 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.171.875.084	(109.736.065)	226.526.601	835.612.418
- Thuế thu nhập cá nhân	-	5.786.948	-	5.786.948
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.278.447.984	13.025.224.810	4.807.402.377	12.496.270.417
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.806.835.519	5.081.611.796	86.000.000	9.802.447.315
	10.257.158.587	18.002.887.489	5.119.928.978	23.140.117.098
Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.506.675	-	-	63.506.675
- Thuế thu nhập cá nhân	2.417.345	15.000.456	12.583.111	-
	65.924.020	15.000.456	12.583.111	63.506.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	724.546.892.856	724.546.892.856	9.000.000.000	295.284.196.236	1.010.831.089.092	1.010.831.089.092
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>174.983.815.400</i>	<i>174.983.815.400</i>	-	<i>47.097.061.747</i>	<i>222.080.877.147</i>	<i>222.080.877.147</i>
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai (1)	-	-	-	20.057.027.370	20.057.027.370	20.057.027.370
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	-	-	25.390.034.377	25.390.034.377	25.390.034.377
- Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú 1	-	-	-	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (2)	174.983.815.400	174.983.815.400	-	-	174.983.815.400	174.983.815.400
<i>Trái phiếu phát hành đến hạn trả (3)</i>	<i>417.273.219.456</i>	<i>417.273.219.456</i>	-	<i>15.000.000.000</i>	<i>432.273.219.456</i>	<i>432.273.219.456</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>132.289.858.000</i>	<i>132.289.858.000</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>233.187.134.489</i>	<i>356.476.992.489</i>	<i>356.476.992.489</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP.HCM	-	-	-	178.012.997.289	178.012.997.289	178.012.997.289
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (4)	132.289.858.000	132.289.858.000	9.000.000.000	-	123.289.858.000	123.289.858.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	-	-	-	55.174.137.200	55.174.137.200	55.174.137.200
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	60.257.027.370	60.257.027.370	40.057.027.370	9.000.000.000	29.200.000.000	29.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (4)	20.200.000.000	20.200.000.000	-	9.000.000.000	29.200.000.000	29.200.000.000
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai (1)	20.057.027.370	20.057.027.370	20.057.027.370	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai (5)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
	784.803.920.226	784.803.920.226	49.057.027.370	304.284.196.236	1.040.031.089.092	1.040.031.089.092
Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan	40.057.027.370	40.057.027.370			45.447.061.747	45.447.061.747

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 01/01/2016 và các Phụ lục hợp đồng, biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai, lãi suất 6,7%/năm, thời hạn thanh toán nợ gốc được gia hạn đến ngày 31/12/2030. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HĐTD ngày 11/10/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay từ ngày 11/10/2017 hết ngày 31/08/2018. Tài sản thế chấp là các máy móc, thiết bị chế biến gỗ thuộc sở hữu của Công ty.
- (3) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai được ký kết ngày 31/12/2014. Lãi suất 10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm. Thời hạn từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019. Bảo lãnh bởi tài sản của Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai được ký kết ngày 30/12/2017. Lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm. Thời hạn từ ngày 30/12/2017 đến hết ngày 30/12/2022. Bảo lãnh bởi tài sản của Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

- (4) Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHĐ ngày 16/10/2020. Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng. Bảo lãnh bởi tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012. Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng. Bảo lãnh bởi tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019. Bảo lãnh bởi tài sản của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (4) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 2,5%/năm được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026. Bảo lãnh bởi tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- (5) Hợp đồng số 01/2024/HĐCV ngày 06/10/2024 giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai, lãi suất vay 8,6%/ năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Vốn góp cuối năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000

22.2. CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	299.309.720	299.309.720
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	299.309.720	299.309.720
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	299.309.720	299.309.720
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

22.3. CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.196.436.959	6.196.436.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.204.480.460.523)	845.324.084.764
- Lỗ trong năm	-	-	-	(591.561.730.438)	(591.561.730.438)
31/12/2023	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.796.042.190.961)	253.762.354.326
01/01/2024	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.796.042.190.961)	253.762.354.326
- Lãi trong năm	-	-	-	186.989.238.027	186.989.238.027
31/12/2024	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(2.609.052.952.934)	440.751.592.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	173.890,51	174.007,80
- LAK	50.348.391.902,25	50.348.391.902,25

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	38.200.000	2.198.322.000
- Doanh thu bán đá	10.269.410.000	24.199.785.000
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.143.436.362	4.657.909.091
	<u>14.451.046.362</u>	<u>31.056.016.091</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	2.605.090.908	2.605.090.908

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	38.000.000	1.995.371.087
- Giá vốn bán đá	10.068.383.309	24.003.127.631
- Giá vốn cho thuê tài sản	4.059.525.063	4.310.102.114
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.202.660.567	53.963.437.752
	<u>45.368.568.939</u>	<u>84.272.038.584</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	200.120.131.623	221.247.643.833
- Lãi bán các khoản đầu tư	5.842.387.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.405.036.000	21.405.036.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	9.765.992.184	626.113.950
	<u>237.133.547.307</u>	<u>243.278.793.783</u>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	42.635.732.758	21.405.036.000

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Chi phí lãi vay	107.433.344.051	123.126.378.270
- Lãi trái phiếu	46.118.177.445	50.083.664.882
- Dự phòng đầu tư tài chính	(96.544.101.766)	85.501.677.057
	<u>57.007.419.730</u>	<u>258.711.720.209</u>
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	2.117.559.991	1.947.395.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí bán hàng	86.595.784	92.874.913
- Chi phí nhân viên bán hàng	86.595.784	92.874.913
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	256.551.063.090	511.465.227.589
- Chi phí nhân viên quản lý	1.758.317.619	2.100.338.527
- Khấu hao tài sản cố định	4.088.020.042	4.020.619.818
- Dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi	235.989.331.617	501.657.141.737
- Chi phí khác bằng tiền	14.715.393.812	3.687.127.507
	256.637.658.874	511.558.102.502
Chi phí chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng với các bên liên quan	54.545.456	220.423.662
<i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập thanh lý phế liệu	-	363.636.364
- Miễn lãi của Sacombank (*)	315.457.184.776	-
- Thu nhập khác	39.127.310	33.932.896
	315.496.312.086	397.569.260

(*): Thực hiện theo văn bản số 2440/CV-TT.XLN ngày 05/12/2024 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) về việc miễn giảm lãi, số tiền phải thu nợ gốc và lãi cần thanh toán là 236,039 tỷ đồng, Ngân hàng thực hiện miễn giảm toàn bộ các khoản lãi tồn đọng còn phát sinh đến ngày tắt toán khoản vay, yêu cầu Công ty thanh toán chậm nhất đến ngày 15/12/2024. Công ty đã thực hiện thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trên tại ngày 13/12/2024.

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí phạt chậm nộp	5.075.611.796	810.192.470
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	9.771.755.616	9.825.369.384
- Chi phí khác	6.230.652.773	1.116.686.423
	21.078.020.185	11.752.248.277
Chi phí khác đối với các bên liên quan	2.560.134.421	-
<i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân công	1.844.913.403	2.193.213.440
- Khấu hao tài sản cố định	17.596.144.966	18.117.835.826
- Chi phí bằng tiền khác	16.385.484.344	3.757.551.167
	35.826.542.713	24.068.600.433

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186.989.238.027	(591.561.730.438)
Các khoản điều chỉnh tăng	267.559.932.834	938.456.640.973
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	235.989.331.617	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	31.570.601.217	938.456.640.973
Các khoản điều chỉnh giảm	142.810.237.876	390.612.644.521
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.405.036.000	21.405.036.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	368.581.494.571
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	111.639.209.692	-
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền và nợ phải thu	9.765.992.184	626.113.950
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	311.738.932.985	(43.717.733.986)
Lỗi các năm trước được chuyển	(311.738.932.985)	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	-	(43.717.733.986)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2024	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	38.200.000	10.269.410.000	4.143.436.362	14.451.046.362
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.200.000	10.269.410.000	4.143.436.362	14.451.046.362
Chi phí phân bổ	31.240.660.567	10.068.383.309	4.059.525.063	45.368.568.939
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(31.202.460.567)	201.026.691	83.911.299	(30.917.522.577)
Các chi phí không theo bộ phận				256.637.658.874
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(287.555.181.451)
Doanh thu hoạt động tài chính				237.133.547.307
Chi phí tài chính				57.007.419.730
Thu nhập khác				315.496.312.086
Chi phí khác				21.078.020.185
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				186.989.238.027
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				2.326.194.445.035
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.885.442.852.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2023	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.198.322.000	24.199.785.000	4.657.909.091	31.056.016.091
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.198.322.000	24.199.785.000	4.657.909.091	31.056.016.091
Chi phí phân bổ	55.958.808.839	24.003.127.631	4.310.102.114	84.272.038.584
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(53.760.486.839)	196.657.369	347.806.977	(53.216.022.493)
Các chi phí không theo bộ phận				511.558.102.502
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(564.774.124.995)
Doanh thu hoạt động tài chính				243.278.793.783
Chi phí tài chính				258.711.720.209
Thu nhập khác				397.569.260
Chi phí khác				11.752.248.277
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(591.561.730.438)
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				2.603.820.981.942
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.350.058.627.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	160.650.000	181.153.846
- Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	72.454.701	262.884.615
- Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	425.000.000
- Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	313.500.000	380.000.000
- Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC - KT kiêm phụ trách kế toán	278.428.034	242.886.751
		1.245.032.735	1.491.925.212

Trong năm, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông	Công ty con
2	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Công ty con
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty con
4	Công ty CP Năng lượng Tân Thượng	Chung thành viên lãnh đạo
5	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
6	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty góp vốn khác
7	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo
8	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
9	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
10	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp
11	Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm toán nội bộ

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.605.090.908	2.605.090.908
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	1.309.090.908	1.309.090.908
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	1.296.000.000	1.296.000.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư	255.000.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	255.000.000.000	-
Thu tiền chuyển nhượng vốn	255.000.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	255.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	5.842.387.500	-
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	5.842.387.500	-
Mua hàng, dịch vụ	54.545.456	220.423.662
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	54.545.456	220.423.662
Cho vay, mượn tiền	254.594.850.000	1.406.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	254.594.850.000	1.406.000.000
Thu hồi tiền cho vay, mượn	111.574.430.180	1.406.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	111.574.430.180	1.406.000.000
Lãi cho vay	15.388.309.258	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	15.388.309.258	-
Thu hồi lãi cho vay	161.075.205	2.594.007.623
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	161.075.205	2.594.007.623
Cổ tức Công ty được chia	21.405.036.000	21.405.036.000
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	21.180.000.000	21.180.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	225.036.000	225.036.000
Thu tiền cổ tức	925.036.000	84.945.036.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	225.036.000	225.036.000
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	700.000.000	84.720.000.000
Công ty đi vay, mượn	20.145.122.305	56.587.034.377
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	25.390.034.377
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	20.000.000.000	-
- Ông Bùi Pháp	-	30.997.000.000
- Ông Võ Mộng Hùng	145.122.305	200.000.000
Công ty trả tiền vay, mượn	25.535.156.682	31.197.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	25.390.034.377	-
- Ông Bùi Pháp	-	30.997.000.000
- Ông Võ Mộng Hùng	145.122.305	200.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	2.117.559.991	1.947.395.256
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	1.382.096.328	1.920.961.796
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	134.641.745	26.433.460
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	600.821.918	-
Chi trả lãi vay	226.075.205	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	161.075.205	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	65.000.000	-
Chi phí khác	2.560.134.421	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	2.560.134.421	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	20.326.075.256	22.033.596.256
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	16.366.045.256	18.186.045.256
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	-	1.145.951.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	3.960.030.000	2.701.600.000
Trả trước cho người bán	123.909.089	182.818.181
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	23.909.089	82.818.181
Phải thu về cho vay	143.020.419.820	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	143.020.419.820	-
Phải thu khác	35.799.734.053	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	20.572.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	15.227.234.053	-
Người mua trả tiền trước	12.219.817.130	47.581.691.800
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai	12.219.817.130	12.219.817.130
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	522.200.000
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	-	34.839.674.670
Phải trả khác	18.353.915.299	17.859.180.492
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai	15.753.717.880	15.768.371.531
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.064.375.501	2.064.375.501
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	26.433.460
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	535.821.918	-
Vay và nợ thuê tài chính	40.057.027.370	45.447.061.747
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai	20.057.027.370	20.057.027.370
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	25.390.034.377
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	20.000.000.000	-

Bên liên quan sử dụng tài sản đảm bảo cho khoản vay

Một số bên liên quan bao gồm: Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT), Bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (Chung cổ đông lớn) đã dùng tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem tại Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2024, khoản lỗ thuần của Công ty là 2.609.052.952.934 đồng, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 465.375.541.727 đồng; một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán chưa có tài sản đảm bảo với tổng giá trị ước tính là 62.381.149.025 đồng. Trong năm 2024, Công ty thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp góp phần giảm lỗ lũy kế đồng thời đã thanh toán gốc và lãi vay cho các ngân hàng hơn 597 tỷ đồng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc vẫn đang trong quá trình đàm phán về kế hoạch giãn nợ, trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn 2025 - 2026, cũng như các khoản phải trả đến hạn khác, phần lớn các khoản nợ quá hạn của Công ty với các tổ chức tín dụng đều có tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đề ra kế hoạch cải thiện hoạt động kinh doanh trong thời gian tới: đầu tư, hợp tác kinh doanh vào các Công ty, dự án hiệu quả cũng như xử lý các tài sản đảm bảo, bảo lãnh với ngân hàng để cấu trúc lại tình hình tài chính của Công ty, có lộ trình chuyển nhượng tài sản không sinh lời, thoái vốn các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh kém hiệu quả để tích lũy dòng tiền giảm dần dư nợ gốc theo kế hoạch.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh đang hoạt động ổn định, được cải thiện và tin tưởng rằng việc lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Trần Thị Tinh Tú
Người lập biểu

Đỗ Thành Nhân
Trưởng phòng TC-KT
kiêm Phụ trách kế toán



Gia Lai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Tường Cột
Tổng Giám đốc

VIỆN UHY